

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-03-2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung giữa chị Th và anh C”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Chính

Ông Nguyễn Văn Hình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Trực xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hạnh T, sinh năm 1984; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố số B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nơi ở: Tổ dân phố số B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Ngô Mạnh C, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Chị T, anh C xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05-02-2025, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Hạnh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Mạnh C đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04-01-2006 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2019 vợ chồng này sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không tu trí làm ăn, chơi bời cờ bạc nợ nần và không quan tâm gì đến vợ con. Chị và anh C cãi nhau nhiều lần dẫn đến thiếu sự tôn trọng nhau. Chị và gia đình nhiều lần nói chuyện động viên anh C tu trí làm ăn chăm lo gia đình nhưng anh C không thay đổi. Cuối năm 2021 anh C bị tai nạn gãy chân, đi lại khó khăn không thể làm được gì nên anh C đã chủ động về quê tại xã N, huyện N sinh sống. Từ đầu năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, thỉnh thoảng liên lạc là vì con cái. Nay chị T nhận thấy vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau và không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị T làm đơn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Ngô Mạnh C.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là: Ngô Quỳnh A, sinh ngày 02-02-2007 hiện nay đã trưởng thành và tự lập; Ngô Thành Q, sinh ngày 07-09-2008 và Ngô Trâm A1, sinh ngày 27-6-2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân các con chung đều đang ở cùng chị T, anh C không quan tâm, chăm sóc và cấp dưỡng nuôi con cho chị. Nay ly hôn chị T đề nghị tiếp tục được nuôi hai con chung Ngô Thành Q và Ngô Trâm A1, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị T đang làm cấp dưỡng tại Công an huyện H, tỉnh Bắc Giang thu nhập hàng tháng 8.200.000đồng và có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị T xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Ngô Mạnh C có lời khai phù hợp với lời khai của chị T về nơi đăng ký kết hôn, thời gian vợ chồng kết hôn chung sống và thời gian sống ly thân là đúng. Theo anh C trước đây vợ chồng anh chung sống hạnh phúc bình thường. Từ năm 2022, sau thời gian anh bị tai nạn gãy chân anh phải về quê để tiện việc mẹ anh chăm sóc cho anh thì chị T không thường xuyên về quê. Từ đó anh không còn khả năng lao động để chăm lo cho vợ con nên chị T tình cảm lạnh nhạt không còn quan tâm đến anh. Hàng năm chỉ một vài lần và Tết chị T cho con về thăm anh nên vợ chồng ít liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh C không nhất trí vì anh muốn để các con ổn định tâm lý, khi con đủ 18 tuổi anh mới giải quyết ly hôn. Nếu trường hợp vợ chồng phải ly hôn anh cũng nhất trí ý kiến chị T, để chị T tiếp tục nuôi các con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T vì hiện nay anh không có khả năng lao động. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T và anh C đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Qua xác minh tại nơi cư trú của anh Ngô Mạnh C, đại diện UBND xã N, huyện N cho biết: Anh Ngô Mạnh C sinh năm 1978 hiện có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định đã đăng ký kết hôn với chị Bùi Thị Hạnh T, sinh năm 1984. Sau khi kết hôn, anh C và chị T thường xuyên sinh sống và làm ăn nơi khác nên chính quyền địa phương không nắm bắt được nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh C. Qua nắm bắt thông tin từ cơ sở thôn xóm thì được biết chị T và anh C có 3 con chung nhưng họ tên và ngày, tháng, năm sinh của các con chung chị T và anh C như nào địa phương không nắm rõ do các con chung của anh C và chị T không khai sinh tại xã N. Chị T và anh C có mâu thuẫn nên anh C đã về xã N sinh sống nhiều năm nay và vợ chồng đã sống ly thân. Khi vợ chồng ly thân thì các con chung ở cùng chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Hạnh T và anh Ngô Mạnh C.

Về con chung: Giao con chung Ngô Thành Q, sinh ngày 07-09-2008 và Ngô Trâm A1, sinh ngày 27-6-2020 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chị Bùi Thị Hạnh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Bùi Thị H T và anh Ngô Mạnh C có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị H T và anh Ngô Mạnh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn vào ngày 04-01-2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh C không tu trí làm ăn, chơi bời cờ bạc nợ nần và không quan tâm đến vợ con. Năm 2021 anh C bị tai nạn gãy chân đi lại khó khăn và không đi làm được nên anh đã về quê sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Ngô Mạnh C. Anh C không nhất trí ly hôn vì anh muốn để các con ổn định tâm lý, khi con đủ 18 tuổi anh mới giải quyết ly hôn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh C và qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C là có thật, việc mâu thuẫn xuất phát từ việc do anh C không tu trí làm ăn, chơi bời và không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Năm 2021 anh C bị tai nạn gãy chân, đi lại khó khăn không thể làm được gì nên anh C đã chủ động về quê tại xã N, huyện N sinh sống. Từ đầu năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm trách nhiệm gì với nhau, thỉnh thoảng liên lạc là vì con cái. Phía anh C không nhất trí ly hôn vì anh muốn để các con ổn định tâm lý, khi con đủ 18 tuổi anh mới giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, trong thời gian sống ly thân, hai bên không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được ly hôn với anh C. Mặt khác, qua xác minh tại nơi cư trú của anh C thể hiện, chị T và anh C có mâu thuẫn nên anh C đã về xã N sinh sống nhiều năm nay và vợ chồng đã sống ly thân. Do đó, từ những phân tích trên, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T đối với anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có ba con chung là: Ngô Quỳnh A, sinh ngày 02-02-2007 hiện nay đã trưởng thành và tự lập; Ngô Thành Q, sinh ngày 07-09-2008 và Ngô Trâm A1, sinh ngày 27-6-2020. Nay ly hôn chị T đề nghị tiếp tục được nuôi hai con chung Ngô Thành Q và Ngô Trâm A1, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Xét điều kiện hoàn cảnh của hai bên hiện nay, nguyện vọng của chị T và nguyện vọng của con chung thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cả ba con chung đều sống cùng chị T, anh C không quan tâm chăm sóc con và cũng không cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Cháu Ngô Quỳnh A, sinh ngày 02-02-2007 hiện nay đã trưởng thành và tự lập. Cháu Ngô Thành Q có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng chị T để thuận tiện việc học hành. Quá trình giải quyết vụ án, anh C cũng nhất trí ý kiến chị T, để chị T tiếp tục nuôi dưỡng các con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T vì hiện nay anh không có khả năng lao động do anh bị tai nạn bị thương tật ở chân. Chị T hiện đang làm cấp dưỡng tại Công an huyện H, tỉnh Bắc Giang thu nhập 8.200.000đồng/tháng và có chỗ ở ổn định, đảm bảo được việc nuôi con. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị được nuôi con chung của chị T, giao con chung Ngô Thành Q, sinh ngày 07-09-2008 và Ngô Trâm A1, sinh ngày 27-6-2020 cho chị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T (do chị T không yêu cầu) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Hạnh T và anh Ngô Mạnh C.

2. Về con chung: Giao con chung giao con chung Ngô Thành Q, sinh ngày 07-09-2008 và Ngô Trâm A1, sinh ngày 27-6-2020 cho chị T tiếp tục trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị Hạnh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005271 ngày 14-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn H1 Trần Xuân C1

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Nam Lợi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Phạm Thúy Nga